

MỘT LOÀI MỚI THUỘC GIỐNG *PTILOSTENIUS* KOZLOV ET LE, 1988 (HYMENOPTERA: SCELIONIDAE, TELEASINAE) Ở VIỆT NAM

LÊ XUÂN HUỆ

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Giống *Ptilostenius* được Kozlov và Lê Xuân Huệ mô tả từ năm 1988. Giống *Ptilostenius* có các đặc điểm khác với các giống khác của phân họ này là giữa các tấm bụng và mảnh gấp của các tấm lưng khác không có rãnh submarginal, cánh trước hẹp, gân subcostal ngắn, chỉ đạt 1/4 chiều dài của cánh này. Giống *Ptilostenius* hiện nay mới có 1 loài *P. anthedon* Kozlov et Le, 1988 [1, 2], mẫu vật được sưu tầm ở Ayunpa (Gia Lai). Trong đợt công tác tháng 5/2002 ở huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, chúng tôi sưu tầm được mẫu vật thuộc giống *Ptilostenius*, nhưng có đặc điểm khác với loài *P. anthedon* Kozlov et Le, 1988 và được mô tả là loài mới cho khoa học.

Ptilostenius anthedoron Le sp. nov.

Ong cái: đầu có chiều rộng lớn hơn chiều dài, đỉnh đầu ở phía sau mắt đơn và mắt kép không gấp khúc đột ngột, không có gờ ngang. Thái dương phía sau mắt kép rộng, chiều rộng của nó bằng 1/3 chiều rộng của mắt kép. Trán trên hố râu không lõm, không có vân ngang. Mắt đơn sau nằm cách xa mắt kép, khoảng cách giữa chúng lớn hơn khoảng cách giữa mắt đơn sau và mắt đơn trước. Mắt kép hình ô van, có chiều dài lớn hơn chiều rộng (8:6), chiều dài của mắt kép lớn hơn chiều dài của má khoảng 3 lần.

Bề mặt của đầu hầu như trơn bóng. Mắt kép không có lông. Râu 12 đốt, hình chùy. Đốt gốc râu có chiều dài lớn hơn chiều rộng của đốt này 3,6 lần và dài hơn radicle 3 lần; chiều dài của radicle lớn hơn chiều rộng của đốt gốc râu. Các đốt râu 2, 3 và 4 có chiều dài gần bằng nhau. Đốt râu 5 hơi dài hơn đốt 6. Chùy râu 6 đốt, chiều dài tổng cộng các đốt chùy lớn hơn chiều dài của đốt gốc râu, chiều dài của chúng lớn hơn chiều rộng lớn nhất của các đốt chùy gần 4 lần.

Ngực có chiều dài lớn hơn chiều rộng. Tấm lưng ngực giữa không có rãnh lưng. Trên tấm lưng ngực giữa có những chấm nhỏ, thưa; tấm lưng ngực giữa và scutellum đen bóng. Cánh trước và cánh sau hẹp. Cánh sau có diềm lông dài, chiều dài lớn nhất của lông diềm bằng hay lớn hơn 1/2 chiều rộng lớn nhất của cánh này. Chiều dài của cánh trước lớn hơn chiều rộng của cánh này 4,6 lần, gân posmaginal tiêu giảm, gân subcostal ngắn hơn gân marginal, gân stigmal chỉ bằng 1/5 chiều dài của gân marginal.

Bụng rộng bằng ngực, chiều dài của bụng lớn hơn chiều rộng của nó và chiều dài của ngực. Tấm lưng thứ nhất của bụng có chiều dài và rộng gần bằng nhau và dài gần bằng tấm lưng thứ 2. Tấm lưng thứ 3 có chiều dài nhỏ hơn chiều rộng của nó, chiều dài và chiều rộng của tấm lưng này lớn hơn chiều rộng của tấm lưng 2. Các tấm lưng 4 đến 6 ngắn và hẹp dần. Máng đẻ trứng lộ ra ngoài, phân lộ ra ngoài của máng đẻ trứng dài hơn chiều dài của tấm lưng 3 (13:10).

Trên tấm lưng 1 và 2 của bụng có vân dọc chạy hầu khắp; 1/3 trước của tấm lưng thứ 3 của bụng có vân dọc (xem hình vẽ). Phần còn lại của tấm lưng 3 và các tấm lưng sau của bụng trơn, bóng.

Cơ thể màu đen (đốt bụng thứ nhất màu vàng), 1/3 sau của đốt gốc râu và các đốt sau của râu màu đen, 2/3 trước của đốt gốc râu, radicle và hàm trên, chân màu vàng.

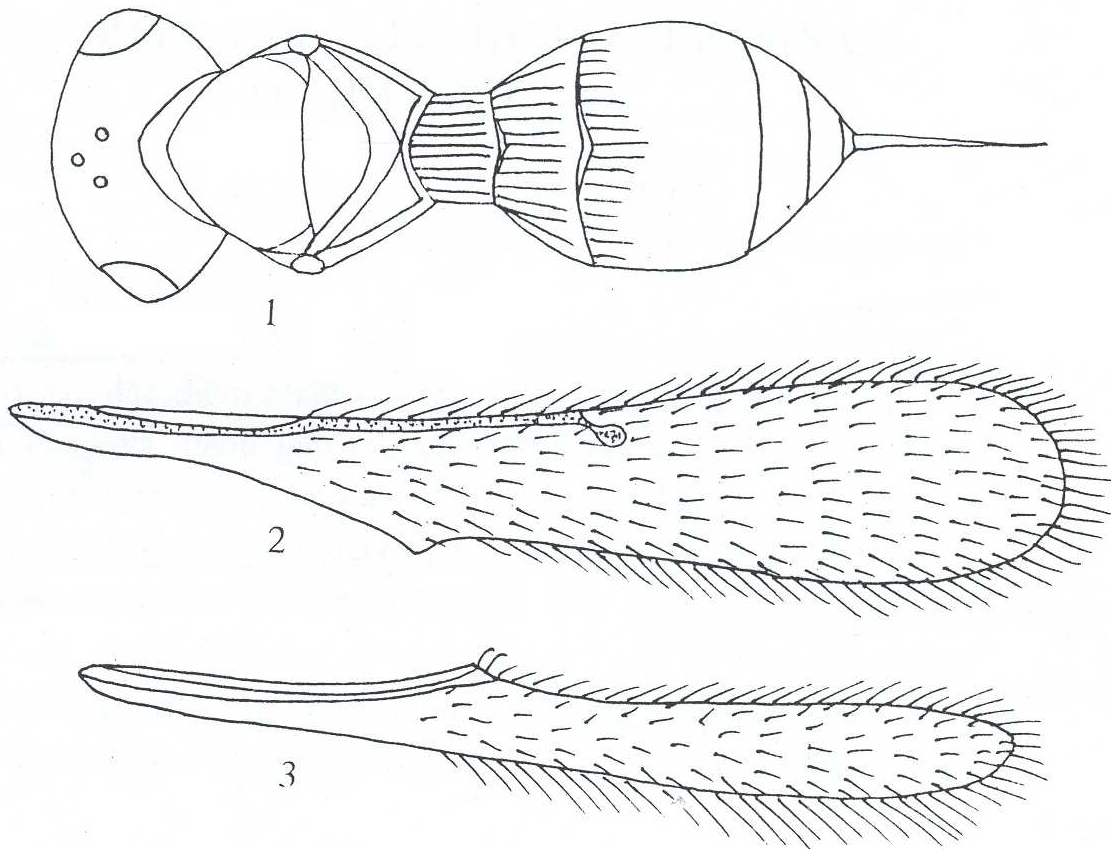
Ong đực chưa rõ.

Cơ thể dài khoảng 1 mm.

Holotyp: 1 ong cái, Đa Phúc, Yên Thủy (Hòa Bình), cỏ ven rừng vầu, 3/5/2002 (Lê Xuân Huệ), mẫu được lưu ở Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

Loài mới giống với *P. anthedon* Kozlov et Le, nhưng chúng được phân biệt với nhau bởi các đặc điểm sau:

<i>P. anthedon</i> Kozlov et Le	<i>P. anthedoron</i> Le sp. nov.
Vân dọc trên tấm lưng 1; ở tấm lưng 2 và 3 của bụng vân dọc chỉ có ở phía trước.	Vân dọc phủ hầu khắp trên tấm lưng 1 và 2 và 1/3 trước của tấm lưng 3 (hình 1).
Lông diềm dài nhất của cánh sau nhỏ hơn 1/2 chiều rộng lớn nhất của cánh này.	Lông diềm dài nhất của cánh sau bằng hay lớn hơn 1/2 chiều rộng lớn nhất của cánh này.
Chiều dài đốt râu 3 lớn hơn chiều dài đốt râu 4.	Chiều dài đốt râu 3 và 4 bằng nhau.
Chiều dài tổng cộng các đốt chùy râu bằng chiều dài của đốt gốc râu.	Chiều dài tổng cộng các đốt chùy râu lớn hơn chiều dài của đốt gốc râu.
Máng đẻ trứng hơi nhô ra ngoài.	Máng đẻ trứng nhô ra ngoài rất dài, chiều dài của nó bằng chiều dài tấm lưng đốt bụng thứ ba.
Các tấm lưng đốt bụng 2-6 màu nâu cánh gián, các đốt râu 2-6 màu nâu đen.	Các tấm lưng đốt bụng 2-6 màu đen, các đốt râu 2-6 màu đen.
Cơ thể dài 0,8 mm.	Cơ thể dài khoảng 1 mm.



Ptilostenius anthedoron Le sp. nov.

1. Mặt lưng cơ thể, 2. cánh trước, 3. cánh sau

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. **Kozlov M. A., Le Xuan Hue**, 1988: Proceeding of the Zool. Inst. Len. Nauka., 175: 64-74 (tiếng Nga).
2. **Lê Xuân Huệ**, 2000: Động vật chí Việt Nam. T. 3. Ong ký sinh trứng họ Scelionidae (Hymenoptera). 209-210.

**A NEW SPECIES OF THE GENUS *PTILOSTENIUS* KOZLOV ET LE, 1988
(HYMENOPTERA: SCELIONIDAE, TELEASINAE) FROM VIETNAM**

LE XUAN HUE

SUMMARY

The genus *Ptilostenius* of the subfamily Teleasinae was established by Kozlov et Le in 1988 with only one species *P. anthedon* Kozlov et Le, 1988 (Kozlov M. A., Le Xuan Hue, 1988; Le Xuan Hue, 2000) from Ayunpa (Gialai province). In May 2002, from Yenthuy district (Hoabinh province), one new specimen of *Ptilostenius* has been collected, that differed from *P. anthedon* Kozlov et Le, 1988 in morphological characteristics and was described as a new species for science.

***Ptilostenius anthedoron* Le sp. nov.**

Female: Head wider than long. Vertex without transverse keel. Wide temple, it's width as 1/3 as width of eyes. Frons without depression, without transverse striae. Distance from lateral ocellus to eyes longer than distance between anterior and lateral ocelli. Eyes in oval form, length to width 8: 6; length of eyes about 3 times longer than length of cheek. Face of Heade almost smooth and shining. Eyes without hairs. Antenna 12 segments, with club. Scape 3, 6 times as long as wide; length of this segment in 3 times longer than length of radicle. Second segment as long as third segment; third segment as long as fourth. Club 6 segments, it's length longer than length of scape.

Length of thorax longer than width. Mesonotum without parasidal furrows. Mesonotum and scutellum with separate punctations, almost shining black. Fore and hind wings narrow. Hind wing with edging of long hairs; length of those hairs in 1/2 times longer than width of this wing. Length of fore wings in 4, 6 times longer than width of them; postmarginal veins of this wing absent; stigmal vein in 1/5 as long as marginal.

Abdomen as wide as thorax. Length of abdomen longer than width of it and longer than length of thorax. First tergite as long as wide and as long as second tergite. Third tergite longer and wider than other abdominal tergites. Ovipositor extrorse, that longer than length of third tergite (13: 10). On first and second tergites with longitudinal striae. On 1/3 fore part of third tergite with longitudinal striae, other parts of this tergite smooth and shining.

Body black (first segment of abdomen yellow), 1/3 last part of scape and other segments of antennae black; 2/3 fore part of scape, radicle of antennae, mandibulae and legs yellow. Length of body about 1 mm.

Male unknow.

Holotype: 1 female, Daphuc, Yenthuy (Hoabinh), grass in forest, 3 May, 2002 (Le Xuan Hue) (Holotype sets in the Institute of Ecology and Biological Resources).

The new species differs from *P. anthedon* Kozlov et Le, 1988 by on second and third tergites of abdomen *P. anthedon* with longitudinal striae only on fore part, hairs of hind wing shorter than 1/2 width of this wing; length of third segment longer than fourth segment of antennae; length of club as long as scape of antennae. Length of out genital part shorter than last tergite of abdomen. Second to 6th tergites of abdomen and second to 6th segments of antennae dark brown. Length of body 0.8 mm.

Acknowledgement:

This paper has been produced with the financial assistance of the ASEAN Regional Centre for Biodiversity and Conversation (ARCBC) funded by the European Commission. RE – VNM – 004.

Ngày nhận bài: 4-3-2003